

Tên sản phẩm: MOBIL SHC GREASE 461 WT
Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
Trang 1 thuộc 11

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

MỤC 1	DANH TÍNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY
--------------	--------------------------------------

SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: **MOBIL SHC GREASE 461 WT**
Mô tả sản phẩm: Dầu gốc và phụ gia tổng hợp
Mã sản phẩm.: 2015A0203093
Sử dụng đúng mục đích: Mỡ nhờn

DANH TÍNH CÔNG TY

Nhà sản xuất / Nhà cung cấp: **ExxonMobil Asia Pacific Pte. Ltd (Mã Công Ty: 196800312N)**
Căn 1 Harbour Front
Số 06-00 Tòa Nhà Harbour Front Số Một 098633 Singapore

Cấp Cứu Y Tế 24/24 giờ +1 703-253-4229/+1 703-527-3887
Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp (65) 6885 8000/86-21-24076000

Nhà cung cấp: **CÔNG TY TNHH EQUATOR**
146 - 148 đường Khánh Hội
Phường 6, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 28 3940 6411

Nhà cung cấp: **Công ty hữu hạn dịch vụ thương mại Nam Giang**
120 đường Hoàng Hoa Thám
Phường 7, Quận Bình Thạnh
Thành Phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 28 7302 4500
FAX +84 28 3847 6879

Nhà cung cấp: **Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế PAN**
53 đường Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 24 32123939

MỤC 2	NHẬN DIỆN CÁC MỐI NGUY HIỂM
--------------	------------------------------------

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo hướng dẫn quy định (xem BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) Mục 15).

PHÂN LOẠI:

Tên sản phẩm: MOBIL SHC GREASE 461 WT

Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023

Trang 2 thuộc 11

Độc cho sinh sản (phát triển): Nhóm 2. Độc cho sinh sản (khả năng sinh sản): Nhóm 2.

NHÃN:

Ký hiệu:



Từ Cảnh Báo: Cảnh báo

Các Công Bố Về Mỗi Nguy Hiểm:

Sức Khỏe: H361: Nghi ngờ gây tổn thương cho thai nhi. H361: Nghi ngờ gây tổn thương cho khả năng sinh sản.

Thông Điệp Đề Phòng:

Phòng Ngừa: P201: Xin được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. P202: Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp đề phòng an toàn. P280: Sử dụng găng tay và trang phục bảo hộ.

Đối phó: P308 + P313: NẾU bị tiếp xúc hoặc lo bị: Tìm gặp bác sĩ để được hướng dẫn/chăm sóc.

Bảo Quản: P405: Bảo quản khóa chặt.

Thải bỏ: P501: Thải bỏ các phần chứa bên trong và dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương.

Chứa: 9-OCTADECENOIC ACID (Z)-, CÁC SẢN PHẨM PHẢN ỨNG VỚI DIHYDRO-3-(DODECENYL)-2,5-FURANDIONE VÀ TRIETHYLENETETRAMINE

Thông tin khác về mỗi nguy hiểm:

CÁC HIỂM HỌA VỀ MẶT VẬT LÝ/HÓA HỌC

Không có mối nguy hiểm nào đáng kể

CÁC HIỂM HỌA CHO SỨC KHỎE

Chích ép mạnh vào dưới da có thể gây tổn thương nặng. Tiếp xúc quá nhiều có thể dẫn đến bị kích ứng mắt, da hoặc đường hô hấp.

CÁC HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG

Không có mối nguy hiểm nào đáng kể

LƯU Ý: Không được dùng vật liệu này ngoài mục đích sử dụng được đề cập đến trong Mục 1 mà không có ý kiến của chuyên gia. Các nghiên cứu về sức khỏe cho thấy rằng việc tiếp xúc với hóa chất có thể gây ra các rủi ro tiềm ẩn cho sức khỏe con người và biểu hiện khác nhau trên mỗi người.

MỤC 3

THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Vật liệu này được định nghĩa là một hỗn hợp

(Các) Chất Nguy Hiểm hoặc (các) Chất Phức Tạp cần phải công bố

Tên sản phẩm: MOBIL SHC GREASE 461 WT
 Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
 Trang 3 thuộc 11

Tên	Mã số thông tin cơ bản CAS của hóa chất#	Hàm lượng Nồng độ*	Các Mã về Mối Nguy Hiểm theo GHS
DẪN XUẤT 2,5-DIMERCAPTO-1,3,4-THIADIAZOLE	13539-13-4	0.1 - < 1%	H315, H317, H332
9-OCTADECENOIC ACID (Z)-, CÁC SẢN PHẨM PHẢN ỨNG VỚI DIHYDRO-3-(DODECENYL)-2,5-FURANDIONE VÀ TRIETHYLENETETRAMINE	68478-81-9	0.1 - < 1%	H315, H361(D), H361(F), H413
CÁC AMINE, C12-14-TERT-ALKYL	68955-53-3	0.1 - < 0.25%	H302, H311, H317, H330(2), H314(1B), H400(M factor 1), H410(M factor 1)
BENZENAMIN, N-PHENYL-, CÁC SẢN PHẨM PHẢN ỨNG VỚI 2,4,4-TRIMETILPENTEN	68411-46-1	1 - < 5%	H316, H402, H412
LITHIUM HYDROXIDE	1310-65-2	0.1 - < 1%	H302, H314(1B)
ALKENYL AMIN MẠCH DÀI	112-90-3	0.025 - < 0.1%	H302, H304, H335, H314(1B), H373, H400(M factor 10), H410(M factor 10)

*Mọi nồng độ đều được tính theo phần trăm khối lượng trừ khi vật liệu là chất khí. Nồng độ các chất khí được tính theo phần trăm thể tích.

MỤC 4 CÁC BIỆN PHÁP CẤP CỨU

HÍT VÀO

Sử dụng đúng mục đích trong các điều kiện bình thường, vật liệu này không được xem là gây nguy hiểm khi hít phải.

TIẾP XÚC VỚI DA

Rửa các vùng bị tiếp xúc với nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo đã bị ô nhiễm. Giặt sạch quần áo ô nhiễm rồi mới được dùng lại. Nếu chích sản phẩm vào da hoặc dưới da, hoặc vào bất kỳ bộ phận nào của cơ thể, bất kể diện mạo hoặc kích cỡ vết thương ra sao, người đó phải được y bác sĩ nhận định ngay lập tức là trường hợp phẫu thuật cấp cứu. Dù các triệu chứng ban đầu do chích ép mạnh là có thể rất ít hoặc không có, việc điều trị phẫu thuật sớm trong vòng vài giờ đầu tiên có thể giảm đáng kể mức độ thương tật cuối cùng.

TIẾP XÚC VỚI MẮT

Súc rửa thật kỹ với nước. Nếu bị kích ứng, tìm gặp y bác sĩ.

ĂN VÀO

Tìm gặp y bác sĩ ngay lập tức.

Y BÁC SĨ CẦN CHÚ Ý

Không

MỤC 5 CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

CHẤT DẬP LỬA

Chất dập lửa phù hợp: Sử dụng nước phun sương, bột, hóa chất khô hay cacbon-di-oxyt để dập lửa.

Chất dập lửa không phù hợp: Các dòng nước thẳng

CHỮA CHÁY

Hướng dẫn chữa cháy: khu vực sơ tán. Ngăn ngừa các chất thất thoát do hoạt động chữa cháy xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, hoặc nguồn nước uống. Người chữa cháy phải sử dụng trang bị bảo hộ tiêu chuẩn

Tên sản phẩm: MOBIL SHC GREASE 461 WT
Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
Trang 4 thuộc 11

và khi ở các khu vực kín, phải dùng thiết bị thở tự điều khiển. Dùng nước xịt làm nguội các bề mặt nóng do tiếp xúc với lửa và để bảo vệ người.

Các sản phẩm cháy gây nguy hiểm: Các Andehyt, Các sản phẩm cháy không hoàn toàn, Các oxyt của cacbon, Khói, Các oxyt lưu huỳnh

CÁC TÍNH CHẤT GÂY CHÁY

Điểm bốc cháy [Phương pháp]: >149°C (300°F) [EST. ĐỐI VỚI DẦU, Tiêu chuẩn ASTM D-92]

Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí): Giới hạn tiếp xúc dưới:

KHÔNG XÁC ĐỊNH Giới hạn tiếp xúc trên: KHÔNG XÁC ĐỊNH

Nhiệt độ tự bốc cháy: KHÔNG XÁC ĐỊNH

MỤC 6

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ RÒ RỈ BẤT NGỜ

CÁC QUI TRÌNH THÔNG BÁO

Trong trường hợp có sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ, báo cáo cho các cấp có thẩm quyền liên quan theo tất cả các qui định hiện hành.

CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ

Tránh tiếp xúc với vật liệu tràn đổ. Xem Mục 5 về chữa cháy. Xem Mục Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm để biết về Các Hiểm Hòa Quan Trọng. Xem Mục 4 về Những Điều Cần Làm Khi Cấp Cứu. Xem Mục 8 để được hướng dẫn về các yêu cầu tối thiểu của trang bị bảo hộ cá nhân. Có thể cần dùng các biện pháp bảo vệ bổ sung, tùy thuộc vào tình trạng cụ thể và/hoặc đánh giá chuyên môn của các nhân viên ứng cứu khẩn cấp.

XỬ LÝ TRÀN ĐỔ

Tràn đổ xuống đất: Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. Dùng xẻng nạo vét vật liệu tràn đổ cho vào dụng cụ đựng thích hợp để mang đi tái chế hoặc thải bỏ.

Tràn đổ nước: Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. khoanh vùng giới hạn lượng tràn đổ ngay lập tức bằng rào phao nổi. Cảnh báo các phương thức vận chuyển khác. Hốt văng, bốt khỏi bề mặt.

Các khuyến nghị trong trường hợp tràn đổ xuống nước hoặc đất là dựa trên cơ sở tình huống tràn đổ thường gặp nhất đối với vật liệu này, tuy nhiên, điều kiện địa lý, gió, nhiệt độ, (và trong trường hợp tràn đổ xuống nước) sóng và chiều dòng nước cùng tốc độ nước có thể ảnh hưởng lớn trong việc xác định hành động khắc phục cho phù hợp. Vì lý do đó, cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia ở địa phương. Chú ý: Các qui định ở địa phương có thể mô tả hoặc giới hạn hành động khắc phục cần thực hiện.

ĐỀ PHÒNG VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Ngăn ngừa xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, tầng hầm nhà hoặc các khu vực giới hạn.

MỤC 7

THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

THAO TÁC

Tránh mọi tiếp xúc cá nhân Tránh không làm tràn đổ ra ngoài những lượng nhỏ hoặc làm rò rỉ để tránh nguy cơ trượt té.

Chất có khả năng tích tĩnh điện: Vật liệu này không phải là chất có khả năng tích tĩnh điện.

Tên sản phẩm: MOBIL SHC GREASE 461 WT
 Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
 Trang 5 thuộc 11

BẢO QUẢN

Không đựng trong các dụng cụ đựng hồ hoặc không có nhãn. Để tránh xa các vật liệu không tương thích

MỤC 8

KIỂM SOÁT VIỆC TIẾP XÚC / BẢO HỘ CÁ NHÂN

CÁC CHỈ SỐ GIỚI HẠN TIẾP XÚC

Các chỉ số giới hạn/tiêu chuẩn tiếp xúc (Chú ý: các chỉ số giới hạn không phải là phần bổ sung)

Tên hóa chất	Dạng	Giới hạn/Tiêu chuẩn			Chú ý:	Nguồn	Năm
LITHIUM HYDROXIDE		GIỚI HẠN TIẾP XÚC THỜI GIAN NGẮN	1 mg/m ³			Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam	2019
LITHIUM HYDROXIDE		Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ)	0.5 mg/m ³			Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam	2019
LITHIUM HYDROXIDE		Trần	1 mg/m ³			MỨC TIẾP XÚC TẠI MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC (WEEL) CỦA Liên Minh Nghề nghiệp cho Khoa học Nguy Cơ (Occupational Alliance for Risk Science - OARS)	2018

CHÚ Ý: Các giới hạn/tiêu chuẩn chỉ được trình bày với mục đích hướng dẫn. Tuân thủ các quy định hiện hành.

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Mức độ bảo vệ và các phương pháp kiểm soát cần thiết sẽ khác nhau tùy thuộc vào các điều kiện tiếp xúc có khả năng xảy ra. Các biện pháp kiểm soát cần xem xét là:
 Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ.

BẢO HỘ CÁ NHÂN

Việc lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân thay đổi dựa trên các điều kiện tiếp xúc có thể xảy ra như khi sử dụng,

Tên sản phẩm: MOBIL SHC GREASE 461 WT

Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023

Trang 6 thuộc 11

thao tác, nồng độ vật liệu hoặc thông gió. Thông tin về việc lựa chọn thiết bị bảo hộ để sử dụng với vật liệu này, như được cung cấp dưới đây, là dựa trên cách sử dụng bình thường đúng mục đích.

Bảo vệ đường hô hấp: Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì được nồng độ chất gây ô nhiễm trong không khí ở mức thích hợp để bảo vệ cho sức khỏe công nhân, nên sử dụng mặt nạ phòng độc đã được chấp thuận cho dùng thích hợp. Việc lựa chọn, sử dụng, và bảo trì mặt nạ phòng độc phải tuân theo các yêu cầu qui định nếu có. Các kiểu mặt nạ phòng độc cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:

Thông thường không cần phải có biện pháp bảo vệ nào trong các điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ.

Đối với trường hợp nồng độ trong không khí cao, dùng mặt nạ phòng độc cấp khí đã được chấp thuận sử dụng, hoạt động ở chế độ áp suất dương. Mặt nạ phòng độc cấp khí có bình thoát khí có thể thích hợp trong trường hợp lượng Oxy không đủ, thông tin về tính chất độc hại cần lưu ý của chất khí / hơi không đầy đủ, hoặc nếu tốc độ / năng lực tinh lọc không khí kém không đáp ứng nổi

Bảo vệ tay: Thông tin cụ thể về găng tay được cung cấp dựa theo tài liệu công bố và dữ liệu của nhà sản xuất găng tay. Điều kiện làm việc có thể ảnh hưởng rất nhiều đến độ bền của găng tay; kiểm tra và thay thế các găng tay đã hư hỏng hoặc đã mòn. Các kiểu găng tay cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:

Nên sử dụng găng tay chống hóa chất. Nitril

Bảo vệ mắt: Nếu có khả năng bị tiếp xúc, nên dùng kính bảo hộ có gờ chắn kín.

Bảo vệ da và cơ thể: Mọi thông tin cụ thể về trang phục bảo hộ được cung cấp dựa theo tài liệu công bố hoặc dữ liệu của nhà sản xuất. Các kiểu trang phục bảo hộ cần xem xét sử dụng với vật liệu này bao gồm:

Nên sử dụng quần áo chống hóa chất / dầu.

Các biện pháp vệ sinh riêng: Luôn giám sát việc thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, như rửa sạch sau khi làm việc với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo và các thiết bị bảo hộ cho sạch các chất gây ô nhiễm. Vứt bỏ quần áo, giày dép đã bị ô nhiễm không thể giặt sạch được. Thực hiện quản lý tốt việc giữ gìn vệ sinh

KIỂM SOÁT VỀ MẬT MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các quy định môi trường hiện hành hạn chế việc phóng thích ra không khí, nước và đất. Bảo vệ môi trường bằng cách áp dụng những biện pháp kiểm soát thích hợp để ngăn chặn hoặc hạn chế việc phát thải.

MỤC 9

TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Lưu ý: Các tính chất lý hóa được cung cấp chỉ nhằm mục đích xem xét về an toàn, sức khỏe và môi trường mà thôi, chúng không thể hiện đầy đủ các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm. Xin liên lạc với Nhà Cung Cấp để tìm hiểu thêm.

THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Trạng thái vật lý: Đặc

Dạng: Bán lỏng

Màu: Không màu

Mùi: Đặc điểm

Ngưỡng phát hiện mùi: KHÔNG XÁC ĐỊNH

Tên sản phẩm: MOBIL SHC GREASE 461 WT

Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023

Trang 7 thuộc 11

THÔNG TIN QUAN TRỌNG VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN, VÀ MÔI TRƯỜNG

Tỷ trọng (ở 15 °C): 0.88

Khả năng cháy (Rắn, Khí): KHÔNG ÁP DỤNG

Điểm bốc cháy [Phương pháp]: >149°C (300°F) [EST. ĐỐI VỚI DẦU, Tiêu chuẩn ASTM D-92]

Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí): Giới hạn tiếp xúc dưới:

KHÔNG XÁC ĐỊNH Giới hạn tiếp xúc trên: KHÔNG XÁC ĐỊNH

Nhiệt độ tự bốc cháy: KHÔNG XÁC ĐỊNH

Điểm sôi / Phạm vi: > 204°C (399°F)

Nhiệt độ phân hủy: KHÔNG XÁC ĐỊNH

Tỷ khối hơi (không khí = 1): KHÔNG XÁC ĐỊNH

Áp suất hơi: < 0.013 kPa (0.1 mm Hg) ở 20 °C

Tốc độ bay hơi (n-butyl axetat = 1): KHÔNG XÁC ĐỊNH

pH: KHÔNG ÁP DỤNG

Log Pow (hệ số phân tách n-Octanol/nước): > 3.5

Khả năng tan trong nước: Yếu

Độ nhớt: 460 CentiStoke (460 mm²/giây) ở 40 °C | 55.3 CentiStoke (55.3 mm²/giây) ở 100°C [ASTM D 445]

Các Tính Chất Oxy Hóa: Xem phần Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm.

THÔNG TIN KHÁC

Điểm đông: KHÔNG XÁC ĐỊNH

Điểm nóng chảy: KHÔNG XÁC ĐỊNH

LƯU Ý: Hầu hết các tính chất vật lý nêu trên là của thành phần dầu trong vật liệu.

MỤC 10

ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

ĐỘ BỀN: Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.

CÁC ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH: Nhiệt dư Các nguồn gây cháy giàu năng lượng

CÁC VẬT LIỆU CẦN TRÁNH: Chất Oxy hóa mạnh

CÁC SẢN PHẨM PHÂN HỦY GÂY NGUY HIỂM: Vật liệu không phân hủy ở nhiệt độ môi trường.

KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC PHẢN ỨNG NGUY HIỂM: Quá trình polyme hóa sẽ không xảy ra

MỤC 11

THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

THÔNG TIN VỀ CÁC TÁC DỤNG ĐỘC

Nhóm nguy hiểm	Kết luận / Nhận xét
Hít phải	
Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Rủi ro rất thấp ở nhiệt độ môi trường hoặc nhiệt độ làm việc bình thường.
Ăn vào	
Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Da	

Tên sản phẩm: MOBIL SHC GREASE 461 WT

Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023

Trang 8 thuộc 11

Độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Ấn Mòn Da/Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Kích ứng da với mức độ rất nhỏ ở nhiệt độ môi trường. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Mắt	
Tổn Thương Mắt Nghiêm Trọng/Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Có thể gây khó chịu nhẹ cho mắt trong thời gian ngắn. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Gây mẫn cảm	
Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là chất gây mẫn cảm đường hô hấp.
Gây Mẫn Cảm Da: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là chất gây mẫn cảm da. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Sắc vào phổi: Dữ liệu có sẵn.	Không được xem là có hiểm họa sắc vào phổi. Dựa trên các tính chất lý-hóa của vật liệu.
Khả Năng Gây Đột Biến Tế Bào Mầm: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là chất gây đột biến tế bào mầm. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Khả năng gây ung thư: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là gây ung thư. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Độc Tính Sinh Sản: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Chứa một chất có thể là chất độc sinh sản. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Thời kỳ cho con bú: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là gây hại cho trẻ đang bú mẹ.
Độc Tính Cơ Quan Mục Tiêu Cụ Thể (STOT)	
Tiếp Xúc Một Lần: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc một lần.
Tiếp Xúc Lặp Lại: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

ĐỘC TÍNH CHO CÁC CHẤT

TÊN	ĐỘ ĐỘC CẤP TÍNH
CÁC AMINE, C12-14-TERT-ALKYL	Khả Năng Gây Tử Vong Qua Da: LD50 251 mg/kg (Chuột (rat)); Khả Năng Gây Tử Vong Do Hít Phải: 4 hour(s) LC50 1.19 mg/l (Hoi) (Chuột (rat)); Khả Năng Gây Tử Vong Qua Miệng: LD50 612 mg/kg (Chuột (rat))

THÔNG TIN KHÁC

Cho bản thân sản phẩm.:

Hàm lượng của các thành phần trong công thức này không được xem là sẽ gây nhạy da, căn cứ trên kết quả thử nghiệm của thành phần, công thức này, hoặc công thức tương tự.

Chứa:

Dầu gốc tổng hợp: Dựa trên các nghiên cứu thí nghiệm với cùng vật liệu hoặc vật liệu tương tự, không được xem là có gây ra các tác dụng đáng kể cho sức khỏe trong các điều kiện sử dụng bình thường. Không gây đột biến gen hoặc tác hại về mặt di truyền Không gây mẫn cảm trong các thử nghiệm trên động vật và người.

Phân loại của CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI:

Các thành phần sau được trích dẫn vào các danh mục dưới đây: Không.

--CÁC QUY ĐỊNH CẦN TÌM--

1 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU

2 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU

3 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU

Tên sản phẩm: MOBIL SHC GREASE 461 WT

Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023

Trang 9 thuộc 11

UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ
THẾ GIỚI 1

UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ
THẾ GIỚI 2A

UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ
THẾ GIỚI 2B

MỤC 12

THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin đã nêu được dựa theo dữ liệu của vật liệu, thành phần của vật liệu, hoặc vật liệu tương tự, bằng cách áp dụng các nguyên lý bậc cao.

ĐỘC TÍNH VỀ MẶT SINH THÁI

Vật liệu -- Không được xem là có hại cho thủy sinh vật

TÍNH LINH ĐỘNG

Thành phần dầu gốc -- Ít tan và nổi được và được xem là có thể trôi dạt từ nước đến mặt đất. Được xem là có thể phân tách thành cặn lắng và các chất rắn trong nước thải

THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Kiểm tra – thử nghiệm	Khoảng thời gian	Loại sinh vật	Kết quả kiểm tra - thử nghiệm
Dưới nước - Độ độc cấp tính	48 giờ	Bọ nước Ceriodaphnia dubia	LL50 >110 mg/l: dữ liệu cho vật liệu
Dưới nước - Độ độc cấp tính	96 giờ	Cá Pimephales promelas	LL50 >110 mg/l: dữ liệu cho vật liệu
Dưới nước - Độ độc cấp tính	72 giờ	Tảo Lục Pseudokirchneriella subcapitata	Nồng độ ức chế tốc độ sinh trưởng 50% >110 mg/l: dữ liệu cho vật liệu

MỤC 13

XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các khuyến nghị việc thải bỏ dựa trên tài liệu như đã được cung cấp. Việc thải bỏ phải tuân theo các quy định và luật pháp hiện hành đang áp dụng, và đặc tính của vật liệu vào lúc thải bỏ.

KHUYẾN NGHỊ VỀ VIỆC THẢI BỎ

Sản phẩm thích hợp dùng để đốt trong lò kín có kiểm soát để làm nhiên liệu hoặc thải bỏ bằng cách đốt cháy có giám sát ở nhiệt độ rất cao để tránh tạo thành các sản phẩm cháy không mong muốn.

Cảnh báo về bình chứa rỗng NỘI DUNG NHÃN ĐỀ PHÒNG: Bình chứa rỗng có thể vẫn còn cặn dư và có thể gây nguy hiểm. KHÔNG ÉP, CẮT, HÀN, KHOAN, MÀI HOẶC ĐỂ CÁC BÌNH CHỨA TIẾP XÚC VỚI NHIỆT, LỬA, TIA LỬA ĐIỆN, MÔI TRƯỜNG TÍNH ĐIỆN, HOẶC CÁC NGUỒN GÂY CHÁY; CHÚNG CÓ THỂ NỔ VÀ GÂY THƯƠNG TẬT HOẶC TỬ VONG. Đừng cố gắng tái nạp hoặc làm sạch bình chứa đựng vì cặn dư rất khó loại bỏ. Các phụ sử dụng xong phải được tháo xả cho hết hoàn toàn, bịt kín đúng cách và lập tức chuyển trả cho nơi tu sửa phục hồi phụ. Mọi bình chứa phải được thải bỏ theo cách an toàn đối với môi trường và phù hợp với các qui định của chính quyền.

MỤC 14

THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

ĐẤT : Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường bộ

Tên sản phẩm: MOBIL SHC GREASE 461 WT
Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
Trang 10 thuộc 11

Qui định về vận chuyển đường biển đối với các hàng hóa gây nguy hiểm (IMDG): Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường biển theo IMDG

Chất gây ô nhiễm biển: Không

AIR (IATA): Không được qui định cho việc vận chuyển bằng máy bay

MỤC 15	THÔNG TIN QUI ĐỊNH
---------------	---------------------------

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo Luật Hóa Chất.

TÌNH TRẠNG QUI ĐỊNH VÀ CÁC LUẬT VÀ QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH

Được nêu hoặc được miễn nêu/thông báo trong các danh mục hóa chất sau đây :

AIIC, DSL, ENCS, IECSC, ISHL, KECI, TCSI, TSCA

Các trường hợp đặc biệt:

Danh Mục	Tình Trạng
PICCS	Các Giới Hạn Được Áp Dụng

MỤC 16	THÔNG TIN KHÁC
---------------	-----------------------

N/D = không xác định, N/A = không áp dụng

DIỄN GIẢI CÁC MÃ HIỂM HỌA (H-CODE) NẾU TẠI MỤC 3 CỦA TÀI LIỆU NÀY (chỉ dùng để tham khảo):

H302: Có hại khi nuốt phải; Độc Cấp Tính Qua Miệng, Nhóm 4
H304: Độc hại nghiêm trọng khi nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp; Hít Phải, Nhóm 1
H311: Độc khi tiếp xúc với da; Độc Cấp Tính Qua Da, Nhóm 3
H314(1B): Gây phỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng; Ăn Mòn /Kích Ứng Da, Nhóm 1B
H315: Gây kích ứng da; Ăn Mòn/Kích Ứng Da, Nhóm 2
H316: Gây kích ứng nhẹ cho da; Ăn Mòn/Kích Ứng Da, Nhóm 3
H317: Có thể gây phản ứng dị ứng da; Gây Mẫn Cảm Da, Nhóm 1
H330(2): Độc hại nghiêm trọng khi hít phải; Độc Tính Cấp Qua Hô Hấp, Nhóm 2
H332: Có hại khi hít phải; Độc Cấp Tính Qua Hô Hấp, Nhóm 4
H335: Có thể gây kích ứng đường hô hấp; Cơ Quan Đích Một Lần, Kích Ứng Đường Hô Hấp
H361(D): Nghi ngờ gây tổn thương cho thai nhi; Độc Cho Sinh Sản, Nhóm 2 (Phát Triển)
H361(F): Nghi ngờ gây tổn thương cho khả năng sinh sản; Độc Cho Sinh Sản, Nhóm 2 (Khả Năng Sinh sản)
H373: Có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần; Cơ Quan Đích, Nhiều Lần, Nhóm 2
H400: Rất độc cho các thủy sinh vật; Độc Cấp Tính Cho Môi Trường, Nhóm 1
H402: Có hại cho các thủy sinh vật; Độc Cấp Tính Cho Môi Trường, Nhóm 3
H410: Rất độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài; Độc Lâu Dài Cho Môi Trường, Nhóm 1
H412: Có hại cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài; Độc Lâu Dài Cho Môi Trường, Nhóm 3
H413: Có thể gây ra các tác dụng có hại lâu dài cho các thủy sinh vật; Độc Lâu Dài Cho Môi Trường, Nhóm 4

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) NÀY CÓ CHỨA CÁC PHẦN SỬA ĐỔI SAU:

Không có thông tin về sửa đổi

Tên sản phẩm: MOBIL SHC GREASE 461 WT

Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023

Trang 11 thuộc 11

Thông tin và các khuyến nghị trong tài liệu này, theo sự hiểu biết và tin tưởng nhất của ExxonMobil's, là chính xác và đáng tin cậy tính đến thời gian phát hành. Bạn có thể liên hệ ExxonMobil để được chắc chắn rằng tài liệu này là tài liệu gần đây nhất của ExxonMobil. Thông tin và các khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng để kiểm tra và xem xét. Trách nhiệm của người sử dụng là tự quyết định xem sản phẩm có phù hợp với mục đích sử dụng hay không. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, thì trách nhiệm của người sử dụng là phải bảo đảm các tài liệu hướng dẫn phù hợp về sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác phải được kèm theo với và/hoặc trên bình chứa. Các cảnh báo phù hợp và các qui trình thao tác an toàn phải được cung cấp cho người thao tác và người sử dụng. Nghiêm cấm sửa đổi tài liệu này. Ngoại trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, việc tái xuất bản hoặc tái chuyển tải tài liệu này, một phần hay toàn bộ, là không được phép. Thuật ngữ "ExxonMobil" được sử dụng cho mục đích tiện lợi, và có thể bao gồm bất kỳ một hoặc nhiều các thuật ngữ ExxonMobil Chemical, ExxonMobil Corporation, hoặc bất kỳ các công ty thành viên nào mà các công ty này gián tiếp hoặc trực tiếp có quyền lợi liên quan

DGN: 7150144XVN (1026806)
